

Số: **07** /2016/QĐ-UBND

Nam Định, ngày **30** tháng **3** năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chế độ với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị cai nghiện ma túy, người bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 61/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 135/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng;

Căn cứ Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 121/2010/TTLT-BTC-BLĐT BXH ngày 12/8/2010 của Liên bộ Tài chính, Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn chế độ hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú; chế độ đóng góp và hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy tại Trung tâm quản lý sau cai nghiện;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐT BXH ngày 08/10/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng;

Xét đề nghị của Giám đốc sở Lao động- Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 22/TTr-LĐT BXH ngày 18/3/2016,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chế độ với người chưa

thành niên, người tự nguyện chữa trị cai nghiện ma túy, người bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15/4/2016; thay thế Quyết định số 29/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Nam Định về việc “Ban hành Quy định các khoản đóng góp, mức đóng góp, chế độ miễn giảm, các khoản hỗ trợ đối với người nghiện ma túy, người bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và người cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng”.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Công an tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Giám đốc các Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội; Thủ trưởng các cơ quan và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- TT HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh (để báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật-Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo tỉnh;
- Webside tỉnh;
- Lưu: VPI, VP6, VP7

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Đình Nghị**

## QUY ĐỊNH

**Chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chế độ với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị cai nghiện ma túy, người bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số : 07/2016/QĐ-UBND ngày 30/ 3 /2016 của UBND tỉnh Nam Định)*

### I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### 1. Phạm vi điều chỉnh.

1.1. Quy định này quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật Xử lý vi phạm hành chính; chế độ đối với người chưa thành niên nghiện ma túy chữa trị cai nghiện bắt buộc; người tự nguyện chữa trị, cai nghiện; người bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội của tỉnh (*sau đây gọi tắt là Trung tâm*); chế độ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cai nghiện tại cộng đồng; chế độ đối với cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện tại gia đình và cộng đồng; cơ chế quản lý, sử dụng tiền đóng góp cai nghiện ma túy tại Trung tâm và tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

1.2. Các nội dung khác, thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTĐBXH ngày 08/10/2014 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

#### 2. Đối tượng áp dụng.

2.1. Các cơ quan, đơn vị, các địa phương sử dụng nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ chữa trị, cai nghiện ma túy tại Trung tâm và tham gia công tác cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

2.2. Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật Xử lý vi phạm hành chính;

2.3. Người chưa thành niên nghiện ma túy chữa trị cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm;

2.4. Người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm;

2.5. Người bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm;

2.6. Người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tại gia đình và cộng đồng.

### 3. Kinh phí thực hiện.

3.1. Kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm; hỗ trợ và miễn chi phí cho các đối tượng quy định tại Quy định này được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Việc lập, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

3.2. Kinh phí đảm bảo chi hoạt động thường xuyên, chi đầu tư cơ sở vật chất cho cơ sở cai nghiện bắt buộc và cơ sở điều trị cắt cơn phục vụ cho công tác cai nghiện ma túy tại cộng đồng được thực hiện theo phân cấp ngân sách của Luật Ngân sách nhà nước.

3.3. Kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật Xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo Điểm a, khoản 3, Điều 3 Thông tư Liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTĐBXH ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3.4. Kinh phí thực hiện chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị cai nghiện tại Trung tâm và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng theo Luật Phòng, chống ma túy được thực hiện theo Điểm b, Khoản 3, Điều 3 Thông tư Liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTĐBXH ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3.5. Kinh phí thực hiện chế độ đối với người áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm thực hiện theo Thông tư liên tịch số 121/2010/TTLT-BTC-BLĐTĐBXH ngày 12/8/2010 của Liên bộ Tài chính, Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn chế độ hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú; chế độ đóng góp và hỗ trợ đối với người su cai nghiện ma túy tại Trung tâm quản lý sau cai nghiện.

## **II. NỘI DUNG, MỨC CHI CHO CÔNG TÁC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH ĐƯA VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC**

1. Chi cho công tác lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

a) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, cước phí bưu chính, in ấn tài liệu, mẫu biểu phục vụ cho công tác lập hồ sơ: Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp cấp cấp thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi xác định tình trạng ma túy: Theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.

c) Chi công tác phí cho cán bộ xác minh nơi cư trú, bàn giao người vi phạm, xác minh, thu thập tài liệu để lập hồ sơ đề nghị hoặc thu thập tài liệu bổ sung hồ sơ:

Theo Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND, ngày 16/12/2010 của UBND tỉnh Nam Định về việc quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị, chi tiếp khách đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý.

2. Chi quản lý người nghiện không có nơi cư trú ổn định trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2.1. Hỗ trợ trực tiếp cho người của tổ chức xã hội được phân công quản lý, giúp đỡ người nghiện 03 người, gồm: 01 y sỹ hoặc bác sỹ, 01 điều dưỡng viên, 01 bảo vệ:

- 120.000đồng/người/ngày (đối với chức danh lãnh đạo, y sỹ, bác sỹ).

- 80.000đồng/người/ngày (đối với điều dưỡng viên, bảo vệ).

2.2. Hỗ trợ cho người nghiện không có nơi cư trú ổn định trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

- Tiền ăn 40.000đ/người/ngày, tối đa không quá 30 ngày phải làm thủ tục đưa đối tượng vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc trả về nơi cư trú.

- Tiền thuốc chữa bệnh thông thường: 50.000đ/người/tháng.

- Tiền thuốc cắt cơn, giải độc (nếu có chỉ định của bác sỹ): Hỗ trợ một lần tối đa không quá 520.000đ/người/lần.

- Quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân (gồm: 02 bộ quần áo dài, 02 bộ quần áo lót, khăn mặt, dép nhựa, bàn chải, kem đánh răng, xà phòng): 400.000đ/người.

- Tiền vệ sinh cá nhân (đối với trường hợp là phụ nữ): 30.000đ/người/tháng.

- Tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000đ/người/tháng.

- Tiền thuốc chữa bệnh, tiền mua sắm các vật dụng phòng, chống lây nhiễm HIV và các khoản chi hỗ trợ khác (đối với trường hợp bị nhiễm HIV/AIDS): 120.000đ/người/tháng.

- Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐT BXH.

3. Chi tiền tàu xe hoặc thuê mướn phương tiện vận chuyển đưa người không có nơi cư trú ổn định vào tổ chức xã hội; đưa người đã có quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; đưa người chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc mà không xác định được nơi cư trú và không còn khả năng lao động vào cơ sở bảo trợ xã hội: Mức chi theo giá phương tiện công cộng phổ thông, áp dụng tại địa phương.

Trường hợp sử dụng phương tiện của cơ quan, đơn vị, chi phí tính theo số km và tiêu hao nhiên liệu thực tế; trường hợp thuê xe bên ngoài thì giá thuê xe theo hợp đồng, chứng từ, hóa đơn thực tế và phù hợp với giá trên địa bàn cùng thời điểm.

4. Chi truy tìm người đã có quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng bỏ trốn trước khi đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; truy tìm học viên bỏ trốn khỏi cơ sở cai nghiện bắt buộc.

4.1. Chi truy tìm người đã có quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng bỏ trốn trước khi đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (kinh phí cấp cho công an cấp huyện).

a) Chi cho người được giao nhiệm vụ truy tìm đối tượng bỏ trốn:

- Chi chế độ công tác phí: Theo Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND, ngày 16/12/2010 của UBND tỉnh Nam Định. Ngoài ra, trong những ngày truy tìm đối tượng bỏ trốn được bồi dưỡng thêm: 100.000đ/người/ngày.

- Chi chế độ làm đêm, thêm giờ theo thông tư 08/2005/TTLT/BNV-BTC.

b) Hỗ trợ cho đối tượng trong những ngày đi trên đường:

- Tiền ăn: 40.000 đồng/người/ngày.

- Tiền ngủ thực hiện theo Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 16/12/2010 của UBND tỉnh Nam Định.

4.2. Chi truy tìm người đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn khỏi Trung tâm (kinh phí cấp cho Trung tâm): Nội dung và mức chi như mục 4.1.

5. Chi cho công tác kiểm tra tính pháp lý, chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, cước phí bưu chính, in ấn tài liệu, mẫu biểu phục vụ cho công tác lập hồ sơ: Mức chi căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Chi cho công tác đối chiếu hồ sơ, chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, cước phí bưu chính, in ấn tài liệu, mẫu biểu phục vụ cho công tác lập hồ sơ: Mức chi căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **III. NỘI DUNG, MỨC CHI CHO HỌC VIÊN TRONG THỜI GIAN CHẤP HÀNH QUYẾT ĐỊNH TẠI CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC**

1. Chi phí cai nghiện, chăm sóc sức khỏe.

a) Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn (trừ trường hợp đã được điều trị cắt cơn tại cơ sở quản lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc), giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh nhiễm trùng cơ hội, thuốc chữa bệnh thông thường: 650.000 đồng/người/lần.

b) Chi phí điều trị đối với học viên bị ốm nặng hoặc mắc bệnh hiểm nghèo vượt quá khả năng điều trị của cơ sở cai nghiện bắt buộc. Đối với học viên bị ốm nặng hoặc mắc bệnh hiểm nghèo vượt quá khả năng điều trị của Trung tâm thì được chuyển tới cơ sở Y tế hoặc đưa về gia đình để chữa trị, chăm sóc: Chi phí điều trị tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do bản thân học viên hoặc gia đình học viên tự thanh toán.

- Trường hợp học viên có bảo hiểm y tế còn thời hạn sử dụng: Thực hiện theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế.

- Trường hợp học viên là thân nhân của người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng thuộc hộ nghèo, cận nghèo: Mức hỗ trợ bằng mức quỹ bảo hiểm Y tế chi trả cho đối tượng tương ứng.

- Trường hợp học viên không thuộc các đối tượng trên nhưng không còn thân nhân: Mức hỗ trợ bằng mức quỹ bảo hiểm Y tế chi trả cho đối tượng thuộc hộ nghèo.

2. Tiền trang bị quần áo và đồ dùng sinh hoạt thiết yếu.

- Mua chăn, màn, chiếu, quần áo dài, quần áo lót, khăn mặt, dép nhựa, bàn chải đánh răng, mũ cứng, áo mưa ni lông, mũ vải, găng tay: 400.000 đồng/người/năm.

- Thuốc đánh răng, dầu gội đầu, xà phòng tắm, xà phòng giặt): 50.000 đồng/người/quý.

- Tiền vệ sinh cá nhân (đối với học viên nữ): 30.000 đồng/người/tháng.

3. Tiền ăn.

- Định mức ăn ngày thường, quy giá trị bằng tiền: 30.000 đồng/người/ngày

- Ngày lễ được ăn thêm gấp 02 lần ngày thường: 60.000 đồng/người/ngày.

- Ngày Tết nguyên đán được ăn thêm gấp 03 lần ngày thường: 90.000 đồng/người/ngày.

4. Tiền hoạt động văn nghệ, thể thao: 70.000 đồng/người/năm.

5. Tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/người/tháng.

6. Tiền học nghề (đối với trường hợp Học viên chưa có nghề hoặc có nghề nhưng không phù hợp, có nhu cầu học nghề trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng): 2.000.000 đồng/người/lần.

Không hỗ trợ tiền học nghề cho học viên bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ lần thứ 2 trở lên và đã được học nghề.

7. Tiền thuốc chữa bệnh, tiền mua sắm các vật dụng phòng, chống lây nhiễm HIV và các khoản chi hỗ trợ khác (đối với trường hợp học viên bị nhiễm HIV/AIDS): 120.000 đồng/người/tháng.

8. Chi phí mai táng, trung cầu giám định pháp y đối với trường hợp học viên chết trong thời gian chấp hành quyết định tại Trung tâm:

- Chi phí mai táng (đối với trường hợp học viên chết tại Trung tâm mà không có thân nhân hoặc thân nhân không đến trong vòng 24 giờ): 5.000.000 đồng/người.

- Tiền trung cầu giám định pháp y để xác nhận nguyên nhân chết của đối tượng (nếu cần thiết): Theo quy định hiện hành của nhà nước.

9. Tiền ăn đường, tiền tàu xe (đối với học viên là thân nhân người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, thuộc gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo) sau khi chấp hành xong quyết định trở về nơi cư trú:

- Tiền ăn: 40.000 đồng/người/lần, tối đa không quá 03 ngày.

- Tiền tàu xe: theo giá phương tiện công cộng phổ thông.

10. Các nội dung khác.

Mức chi căn cứ vào hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm:

- Thuê chuyên gia tư vấn cho học viên về chuyển đổi hành vi phục hồi nhân cách, kỹ năng sống, tái hòa nhập cộng đồng, về phòng chống tái nghiện ma túy, dự

phòng lây nhiễm HIV và các bệnh truyền nhiễm khác (nếu có);

- Chi mua, in ấn tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ cho công tác tư vấn, giáo dục nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi phục hồi nhân cách, phòng chống tái nghiện ma túy, dự phòng lây nhiễm HIV và các bệnh truyền nhiễm khác cho học viên;

- Chi cho công tác vệ sinh môi trường, phòng dịch.

#### **IV. NỘI DUNG, MỨC CHI CHO CÔNG TÁC ĐƯA NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN VÀO CẢI NGHIỆM BẮT BUỘC TẠI TRUNG TÂM**

1. Chi cho công tác lập hồ sơ đề nghị đưa người chưa thành niên vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm: 100.000 đồng/hồ sơ.

2. Chi lập hồ sơ đề nghị chuyển người chưa thành niên đang cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm vào trường giáo dưỡng: 80.000 đồng/hồ sơ

3. Chi họp Hội đồng tư vấn xét duyệt hồ sơ đề nghị đưa người chưa thành niên vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm:

+ Chủ tịch hội đồng: 100.000 đồng/người/buổi;

+ Thành viên hội đồng, thư ký: 70.000 đồng/người/buổi;

+ Chi nước uống cho người tham dự: Theo Thông tư 97/2010/TT-BTC: 10.000 đồng/người/buổi.

4. Chi tiền tàu xe hoặc thuê mướn phương tiện vận chuyển đưa người chưa thành niên đã có quyết định vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm:

Mức chi theo giá phương tiện công cộng phổ thông áp dụng tại địa phương.

5. Chi truy tìm người chưa thành niên đã có quyết định vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm nhưng bỏ trốn.

- Chi truy tìm người chưa thành niên đã có quyết định, bỏ trốn trước khi đưa vào Trung tâm: Thực hiện theo quy định tại mục 4.1, khoản 4, phần II của Quy định này.

- Chi truy tìm người chưa thành niên bỏ trốn khỏi Trung tâm: Thực hiện theo quy định tại mục 4.2, khoản 4, phần II của Quy định này.

#### **V. CÁC KHOẢN CHI CHO NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN CHỮA TRỊ, CẢI NGHIỆM BẮT BUỘC TRONG THỜI GIAN CHẤP HÀNH QUYẾT ĐỊNH TẠI TRUNG TÂM**

1. Tiền trang bị quần áo và đồ dùng sinh hoạt thiết yếu.

- Mua chăn, màn, chiếu, quần dài, áo dài, quần áo lót, khăn mặt, dép nhựa,

bàn chải đánh răng, mũ cứng, áo mưa ni lông, mũ vải, găng tay: 400.000 đồng/người/năm.

- Thuốc đánh răng, dầu gội đầu, xà phòng tắm, xà phòng giặt: 50.000 đồng/người/quý.

- Tiền vệ sinh cá nhân (đối với học viên nữ): 30.000 đồng/người/tháng.

2. Chi phí cai nghiện, chăm sóc sức khỏe: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 phần III của Quy định này.

Trường hợp, trong thời gian chấp hành quyết định tại Trung tâm, Người chưa thành niên bị ốm nặng hoặc mắc bệnh hiểm nghèo, vượt quá khả năng điều trị của Trung tâm, phải nằm viện: Nếu người chưa thành niên không có thẻ bảo hiểm y tế, Trung tâm hỗ trợ toàn bộ chi phí khám bệnh, chữa bệnh. Nếu người chưa thành niên có thẻ bảo hiểm y tế còn thời hạn sử dụng được khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Luật bảo hiểm y tế; Trung tâm hỗ trợ phần chi phí khám bệnh, chữa bệnh còn lại không được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán.

3. Chi tiền ăn; tiền hoạt động văn nghệ, thể thao; tiền điện, nước sinh hoạt; tiền học nghề; tiền thuốc chữa bệnh, tiền mua sắm các vật dụng phòng, chống lây nhiễm HIV (trường hợp bị nhiễm HIV/AIDS); tiền chi phí mai táng (trường hợp bị chết trong thời gian chấp hành quyết định tại Trung tâm); tiền ăn đường, tiền tàu xe sau khi chấp hành xong quyết định trở về nơi cư trú; tiền chi khác: Thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 phần III của Quy định này.

## **VI. CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP VÀ CHẾ ĐỘ MIỄN, GIẢM ĐỐI VỚI NGƯỜI TỰ NGUYỆN CHỮA TRỊ, CAI NGHIỆN TẠI TRUNG TÂM**

### **1. Các khoản đóng góp.**

Người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm (trừ các trường hợp được miễn đóng góp, theo quy định tại khoản 2, phần này) phải đóng góp các khoản chi phí trong thời gian ở Trung tâm, gồm:

1.1. Tiền ăn: 30.000 đồng/ngày.

1.2. Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện và thuốc chữa bệnh thông thường khác: 650.000 đồng/người/lần.

1.3. Tiền xét nghiệm tìm chất ma túy và các xét nghiệm khác: 250.000 đồng/người/lần.

1.4. Sinh hoạt văn nghệ, thể thao: 70.000 đồng/người/lần.

1.5. Học nghề (nếu có nhu cầu): 2.000.000 đồng/người/khóa.

1.6. Điện, nước, vệ sinh: 80.000 đồng/người/tháng

1.7. Tiền đóng góp xây dựng cơ sở vật chất (đối với người ngoài tỉnh): 100.000 đồng/người/tháng.

1.8. Tiền phục vụ, quản lý: 200.000 đồng/người/tháng.

### **2. Chế độ miễn đóng góp:**

2.1. Người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Nam Định được miễn các khoản đóng góp: Tiền thuốc điều trị (thuốc hỗ trợ cắt cơn, cấp cứu, chi phí xét nghiệm và thuốc điều trị các bệnh cơ hội khác) và tiền đóng góp xây dựng cơ sở vật chất.

2.2. Người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Nam Định thuộc diện hộ cận nghèo, hộ nghèo, đối tượng chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người bị

nhiễm HIV/AIDS, người thuộc diện đối tượng bảo trợ xã hội được miễn 100% các khoản đóng góp.

### 2.3. Thủ tục miễn đóng góp.

- Người thuộc đối tượng được miễn đóng góp, làm đơn đề nghị được hưởng chế độ miễn các khoản đóng góp gửi Giám đốc Trung tâm, kèm theo bản sao có công chứng các giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn đóng góp.

- Giám đốc Trung tâm lập danh sách đối tượng được miễn đóng góp, báo cáo Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; thực hiện chế độ miễn đóng góp cho đối tượng theo quy định.

## **VII. CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP, CHẾ ĐỘ MIỄN GIẢM, CÁC KHOẢN HỖ TRỢ ĐỐI VỚI NGƯỜI BỊ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP QUẢN LÝ SAU CAI TẠI TRUNG TÂM.**

### 1. Các khoản đóng góp.

Người bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại Trung tâm (trừ những trường hợp được miễn đóng góp, theo quy định tại khoản 2, phần này), trong thời gian ở Trung tâm phải đóng góp tiền ăn: 15.000 đồng/ngày.

Trường hợp, người bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm không đủ khả năng đóng góp, gia đình người bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại Trung tâm phải đóng góp.

### 2. Chế độ miễn đóng góp.

Người bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại Trung tâm là người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người bị nhiễm HIV/AIDS, người không có nơi cư trú ổn định; trong thời gian chấp hành quyết định tại Trung tâm; được miễn đóng góp tiền ăn.

### 3. Chế độ hỗ trợ.

Trong thời gian ở Trung tâm, người bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại Trung tâm được hỗ trợ các khoản như sau:

#### 3.1. Tiền ăn:

a) Người bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại Trung tâm (trừ trường hợp quy định tại điểm b, mục này): 15.000 đồng/người/ngày.

b) Người bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại Trung tâm là người thuộc hộ nghèo, cận nghèo đối tượng chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với Cách mạng, người chưa thành niên, người bị nhiễm HIV/AIDS, người không có nơi cư trú ổn định: 30.000 đồng/người/ngày.

#### 3.2. Chi phí khám chữa bệnh thông thường: 30.000 đồng/người/tháng.

3.3. Chi phí khám, chữa bệnh tại bệnh viện của nhà nước khi bị ốm nặng hoặc mắc bệnh hiểm nghèo vượt quá khả năng chữa trị của Trung tâm:

- Người bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại Trung tâm là người thuộc hộ nghèo, gia đình người có công, người chưa thành niên, người không có nơi cư trú ổn

định, người mắc bệnh AIDS giai đoạn cuối: 100% tiền chi phí khám, chữa bệnh.

- Người bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại Trung tâm là người thuộc hộ cận nghèo: 50% tiền chi phí khám chữa bệnh.

- Trường hợp đối tượng có thể bảo hiểm y tế còn thời hạn sử dụng: Thực hiện theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế.

3.4. Mua sắm vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết: 400.000 đồng/người/năm

3.5. Sinh hoạt văn thể: 70.000 đồng/người/năm.

3.6. Học nghề (Đối với trường hợp bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm lần đầu, chưa qua đào tạo nghề, có nhu cầu học nghề): Tối đa 2.000.000 đồng/người/khóa.

3.7. Tiền vệ sinh cá nhân (đối với trường hợp là phụ nữ): 30.000 đồng/người/tháng.

3.8. Điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/người/tháng.

3.9. Tiền ăn đường, tiền tàu xe trở về nơi cư trú (Chỉ hỗ trợ cho đối tượng đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai; hoàn cảnh gia đình khó khăn hoặc trong thời gian ở Trung tâm bản thân không có thu nhập từ kết quả lao động)

- Tiền ăn: 40.000 đồng/người/ngày (Tối đa là 2 ngày).

- Tiền tàu xe: Theo giá phương tiện công cộng phổ thông.

3.10. Tiền mai táng đối tượng bị chết tại Trung tâm mà không còn thân nhân hoặc thân nhân không đến kịp trong vòng 24 giờ: 5.000.000 đồng/người.

3.11. Tiền trưng cầu giám định pháp y để xác nhận nguyên nhân chết của đối tượng (nếu cần thiết): Theo quy định hiện hành của nhà nước.

3.12. Tiền thuốc chữa bệnh, tiền mua sắm các vật dụng phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS (đối với trường hợp bị nhiễm HIV/AIDS): 120.000 đồng/người/tháng.

### **VIII. NỘI DUNG, MỨC CHI CHO CÔNG TÁC TỔ CHỨC CAI NGHIỆN MA TUÝ TẠI GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG; CHẾ ĐỘ ĐÓNG GÓP VÀ MIỄN GIẢM, HỖ TRỢ TIỀN THUỐC CẮT CỜ NGHIỆN MA TUÝ**

1. Nội dung, mức chi cho công tác tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

1.1. Chi lập, thẩm tra hồ sơ cai nghiện tự nguyện tại gia đình và cộng đồng; lập hồ sơ cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng: 30.000 đồng/hồ sơ.

1.2. Chi họp thẩm tra, xét duyệt hồ sơ đề nghị cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng:

a) Thành viên tham dự 50.000 đồng/người/buổi.

b) Chi nước uống cho người tham dự: Mức chi theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC.

1.3. Chi hỗ trợ cho cán bộ Tổ công tác cai nghiện ma túy (do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập) khi tham gia công tác điều trị, quản lý, bảo vệ, tư vấn, hỗ trợ người cai nghiện:

a) Chi hỗ trợ công tác quản lý: văn phòng phẩm, in hồ sơ, mua sổ sách, trang thiết bị phục vụ việc theo dõi, thống kê, lập danh sách, quản lý hồ sơ người cai nghiện: Mức chi thanh toán theo thực tế phát sinh trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi hỗ trợ cán bộ tham gia công tác điều trị, quản lý, bảo vệ người cai nghiện ma túy trong thời gian điều trị cắt cơn nghiện ma túy bắt buộc tập trung tại cộng đồng: 50.000 đồng/người/ngày.

c) Hỗ trợ cho cán bộ được giao nhiệm vụ tư vấn về tâm lý, xã hội:

+ 50.000 đồng/buổi tư vấn/người cai nghiện ma túy

+ 70.000 đồng/buổi tư vấn/nhóm người cai nghiện ma túy (từ hai người trở lên).

d) Chi hỗ trợ cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện tại gia đình và cộng đồng: 200.000 đồng/người/tháng.

+ 02 người đối với xã/phường/thị trấn có dưới 20 người cai nghiện ma túy.

+ 03 người đối với xã/phường/thị trấn có từ 20 người cai nghiện ma túy trở lên.

2. Các khoản đóng góp.

Người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc và tự nguyện tại cộng đồng hoặc gia đình có trách nhiệm đóng góp các khoản chi phí trong thời gian cai nghiện, gồm:

- Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn: 250.000đ/ người/lần

- Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện: 400.000 đồng/người/lần

- Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại cơ sở điều trị cắt cơn: 40.000 đồng/ngày.

3. Chế độ hỗ trợ.

- Người nghiện ma túy cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng là người thuộc hộ cận nghèo, hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, đối tượng bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ một lần chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn, tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện ma túy.

- Mức hỗ trợ: 650.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

4. Quản lý, sử dụng tiền đóng góp của người cai nghiện.

- Cơ quan, đơn vị được phép tổ chức thu tiền đóng góp phải mở sổ theo dõi chi tiết đối tượng đóng góp, đối tượng được miễn mức đóng góp; số tiền thu của từng đối tượng đóng góp.

- Tiền thu đóng góp phải được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng. Định kỳ hàng tháng, quý, năm, đơn vị tổ chức thu tiền đóng góp phải công khai kết quả thu và sử dụng tiền đóng góp với đối tượng, cơ quan, đơn vị.

## **IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.**

Phối hợp với Sở Tài chính lập kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện hàng năm trình UBND tỉnh quyết định. Định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện tại các địa phương, đơn vị, báo cáo UBND tỉnh.

Phối hợp với Sở Tài chính tổ chức hướng dẫn Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và các địa phương thực hiện, quản lý sử dụng và quyết toán nguồn kinh phí đúng mục đích có hiệu quả.

### **2. Sở Tài chính.**

Tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí hàng năm để thực hiện và quyết toán kinh phí theo quy định.

Phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội kiểm tra tình hình thực hiện chế độ đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính; người chưa thành niên nghiện ma túy chữa trị cai nghiện bắt buộc; người tự nguyện chữa trị, cai nghiện, người bị quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội; chế độ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cai nghiện tại cộng đồng.

### **3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.**

Chỉ đạo hướng dẫn các địa phương đẩy mạnh công tác cai nghiện tại gia đình và cộng đồng và quản lý sau cai nghiện, đảm bảo cho đối tượng ổn định cuộc sống, chống tái nghiện.

Chỉ đạo các cơ quan chức năng tiến hành lập hồ sơ đưa đối tượng vào chữa bệnh, cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm theo quy định tại Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Hàng năm tiếp nhận, thẩm định, tổng hợp dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện chế độ miễn đóng góp, hỗ trợ của cấp xã theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐT BXH; báo cáo Sở Tài Chính và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, để tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt.

### **4. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.**

Rà soát tình hình người nghiện ma túy trên địa bàn quản lý, phân loại, xây dựng kế hoạch cai nghiện hàng năm. Dự trù kinh phí tổ chức cai nghiện tại gia đình và cộng đồng theo hướng dẫn tại Thông tư Liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐT BXH và Quy định này; báo cáo Chủ tịch UBND huyện, thành phố theo niên độ dự toán hàng năm.

Lập hồ sơ tổ chức cai nghiện tại gia đình và cộng đồng cho người nghiện ma túy theo Nghị định 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010. Những đối tượng thuộc diện miễn thì hướng dẫn đối tượng lập hồ sơ, tổng hợp, trình Chủ tịch UBND huyện, thành phố thẩm định.

5. Các Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội.

- Hàng năm, cùng thời gian quy định lập dự toán ngân sách nhà nước; căn cứ đối tượng tình hình đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm cai nghiện bắt buộc

theo Luật Xử lý vi phạm hành chính; người chưa thành niên nghiện ma túy chữa trị cai nghiện bắt buộc, người tự nguyện vào cai nghiện tại Trung tâm và chế độ quy định tại Quy định này, lập dự toán kinh phí, báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, để tổng hợp gửi Sở Tài chính, trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Thực hiện chế độ đối với các đối tượng theo quy định.

- Định kỳ hàng tháng, hàng quý, 6 tháng, cuối năm báo cáo Sở Lao động-Thương binh và Xã hội./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Đình Nghị**